

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BẾN CÁT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 21-12-2020  
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Bà Nguyễn Kim Lý;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Long Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 716/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 169/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1983; đăng ký thường trú: Cụm X, xã TA, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội; tạm trú: Tổ Y, khu phố Z, phường MP, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương – có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Chí C, sinh năm 1978; đăng ký thường trú: Cụm X, xã TA, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội; tạm trú: Tổ Y, khu phố Z, phường MP, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương – vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1 Theo Đơn khởi kiện ngày 10 tháng 8 năm 2020 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

- Về hôn nhân:

Bà T và ông C chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thọ An, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội) vào

ngày 15/06/2002, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau nên thường hay cãi vã, bà T đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả nên vợ chồng sống xa nhau từ năm 2015 cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

- Về con chung: Bà T khai bà và ông C chung sống có 02 con chung là: Lê Thị TV, sinh ngày 30/7/2004 và Lê Chí H, sinh ngày 24/02/2010. Cháu Lê Thị TV hiện tại đang sống cùng với bà T, do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Lê Chí H do ông C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ năm 2016 cho đến nay. Hiện nay các con có cuộc sống ổn định. Bà T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai đề tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn: Ông Lê Chí C đã được tổng đạt các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập họp lệ nhiều lần để tham gia phiên hòa giải đoàn tụ, tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, ông C không chấp hành theo giấy triệu tập, vắng mặt không có lý do. Ông C cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

3. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không thực hiện nghĩa vụ phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lê Chí C trú tại địa chỉ: Khu phố Z, phường MP, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[3] Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự:

Nguyên đơn bà Trần Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Lê Chí C đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và tham gia phiên tòa nhưng ông C đều vắng mặt; việc vắng mặt của ông C không vì lý do bất khả kháng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về hôn nhân:

Bà T và ông C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thọ An, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội) nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông C là hợp pháp.

Qua trình chung sống, thời gian đầu bà T và ông C chung sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng sống xa nhau cho đến nay. Theo xác minh tại địa phương, mâu thuẫn vợ chồng chính quyền địa phương không rõ nhưng hiện nay ông C đã về quê, vợ chồng không còn chung sống nữa. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và nhiều lần triệu tập ông C đến Tòa án để hoà giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông C không chấp hành theo giấy triệu tập, không có mặt ở Tòa án. Qua đó cho thấy ông C không có thiện chí hoà giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình. Điều này cũng cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa Bà T và ông C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho Bà T được ly hôn với ông C.

[4.2] Về con chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không tranh chấp nên không đề cập đến. Khi các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết việc chia tài sản chung và nợ chung bằng vụ án khác.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T đối với bị đơn ông Lê Chí C về việc tranh chấp ly hôn

- Cho bà Trần Thị T và ông Lê Chí C được ly hôn.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0048006 ngày 11/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị T có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị đơn ông Lê Chí C vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND xã TA, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội);
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Nga**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN  
TÒA**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

**Nguyễn Kim Lý    Nguyễn Thị Thắm**

**Nguyễn Thị Thanh Nga**